

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/02/2023
V/v: “Tranh chấp
Hôn nhân gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Mạnh Linh

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 87/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978

Bị đơn: Anh Trương Văn Đ, sinh năm 1975

Cùng địa chỉ: Khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ

(Chị M và anh Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 12 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị M là nguyên đơn trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trương Văn Đ kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn vào ngày 01/11/2001, tại Ủy ban nhân dân xã C(Nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh Đ; quá trình chung sống tình cảm vợ chồng thời gian đầu thì hạnh phúc, sau đó đã xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm trong cuộc sống, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 cho

đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh Đ để ổn định cuộc sống.

- *Về con chung*: Chị và anh Trương Văn Đ có 03 con chung là cháu Trương Thị Kim C, sinh ngày 03/11/2001, cháu Trương Văn V, sinh ngày 08/01/2004 và cháu Trương Văn H, sinh ngày 20/7/2012. Hiện nay cháu C và cháu V đã thành niên, lao động tự túc được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con khi vợ chồng ly hôn; còn cháu H hiện nay đang trực tiếp ở cùng với anh Đ, nên đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi con theo quan điểm của cháu.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị Nguyễn Thị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 15 tháng 12 năm 2022, bị đơn anh Trương Văn Đ có quan điểm trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh thừa nhận thời điểm kết hôn, thời gian chung sống vợ chồng như chị M đã trình bày trên là đúng. Nay chị M xin ly hôn thì anh cũng nhất trí vì vợ chồng không còn tình cảm yêu thương nhau, nên cũng không thể có hạnh phúc gia đình.

- *Về con chung*: Anh và chị Nguyễn Thị M có 3 con chung là Trương Thị Kim C, sinh ngày 03/11/2001, cháu Trương Văn V, sinh ngày 08/01/2004 và cháu Trương Văn H, sinh ngày 20/7/2012. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi hội đồng xét xử nghị nghị án thực hiện đúng quy định của Pháp luật. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Trương Văn Đ có đơn xin xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trương Văn Đ.

- *Về con chung*: Giao cháu Trương Văn H, sinh ngày 20/7/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đ không yêu cầu.

- *Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Chị M và anh Đ không đề nghị, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí*: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết vụ án, chị M và anh Đ có quan điểm tự khai trình bày quan điểm của mình, có đơn xin không tổ chức hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Nên xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị M, anh Trương Văn Đ là đúng quy định của pháp luật.

[2]. *Về nội dung vụ án*.

2.1. *Xét yêu cầu khởi kiện của chị M xin được ly hôn anh Đ thấy rằng*: Chị Nguyễn Thị M và bị đơn anh Trương Văn Đ được tự do tìm hiểu và kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc đảm bảo các điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời trình bày của chị M và anh Đ xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và anh M, chị Đ cùng nhất trí ly hôn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, cả chị M và anh Đ đều đến Tòa án để trình bày quan điểm nhưng đề nghị Tòa án không tổ chức hòa giải để xem xét công nhận thuận tình ly hôn. Nên phải đưa vụ án ra xét xử, cho anh chị được ly hôn để ổn định cuộc sống.

2.2. *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Văn Đ có 03 con chung là cháu Trương Thị Kim C, sinh ngày 03/11/2001, cháu Trương Văn V, sinh ngày 08/01/2004 và cháu Trương Văn H, sinh ngày 20/7/2012.

Cháu C và cháu V đã thành niên nên lao động tự túc được nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Cháu Học hiện nay còn nhỏ và đang ở cùng anh Đ; trong khi đó nguyện vọng của cháu xin được trực tiếp ở với anh Đ. Vì vậy, để đảm bảo sự ổn định cho cháu H, cần giao cháu H cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đ không yêu cầu.

2.3. Về tài sản chung; Quyền, nghĩa vụ chung về tài sản và công sức: Chị Nguyễn Thị M và anh Trương Văn Đ không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Trương Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho anh Trương Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trương Văn H, sinh ngày 20/7/2012, kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) lao động tự túc được; chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh Đ không yêu cầu nhưng chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 của Luật thi hành án Dân sự.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008074 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Chị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị M và anh Đ vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện + tỉnh;
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- Chi cục THADS h.Cẩm Khê;
- UBND xã H;
- Lưu HS; VP.

Nguyễn Hán Hưởng

\

Biên bản nghị án kết thúc hồi giờ phút cùng ngày. Đã thông qua
cho các thành viên Hội đồng xét xử, nhất trí cùng ký tên.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hán Hưởng

